TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 282 /2018/DS-PT
Ngày: 12/7/2018
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 928/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Cụ Phạm Thị X, sinh năm 1932; địa chỉ: Thôn XT, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá S, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Mới, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

**** Bị đơn:*** Cụ Phạm Thị Nh, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Xóm 1, thôn KĐ, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 1, thôn KĐ, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Đào Văn Th, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

3. Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S - Phó Chủ tịch UBND huyện AD (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí Kh - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Địa chỉ: Số 275 LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn - Cụ Phạm Thị X, bị đơn - cụ Phạm Thị Nh, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và các biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ Phạm Thị X, người đại diện theo ủy quyền của cụ X thống nhất trình bày:* Bố mẹ đẻ cụ là cố Phạm Văn N và Nguyễn Thị C sinh được hai người con là cụ và em gái là Phạm Thị Nh, cố N, cố C được thừa kế tổ tiên để lại hơn 600m^2 đất tại thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hai cố xây dựng được hai ngôi nhà gỗ pha tre lợp ngói nhưng đã bị giặc Pháp đốt phá. Năm 1946 cố N chết không để lại di chúc, cố C cùng hai chị em cụ đóng gạch và xây lên một ngôi nhà 03 gian mái ngói. Năm 1951, cụ đi lấy chồng về nhà chồng ở Thôn XT, cố C và cụ Nh ở lại trên đất. Khoảng năm 1960, cụ Nh lấy chồng, do chồng cụ Nh là bộ đội nên cụ Nh vẫn ở với cố C. Năm 1967, 1968 chồng cụ Nh hy sinh tại chiến trường miền Nam thì cụ Nh cùng hai con gái vẫn ở với cố C. Khi bà H là con gái cụ Nh lấy chồng thì vợ chồng bà H tiếp tục ăn ở cùng cố C trên diện tích đất của cố. Năm 2006, cố C chết, trước khi chết cố không chuyển nhượng đất cho ai và cũng không có di chúc. Sau khi cố C chết cụ X và cụ Nh vẫn bàn nhau đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ tổ tiên, không bán, không chia cho ai. Năm 2014, cụ X thấy vợ chồng bà H phá bỏ nhà cũ của cố C và xây nhà mới kiểu biệt thự mà không bàn bạc với cụ, cụ X đến Ủy ban nhân dân xã để hỏi thì được biết bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với diện tích đất của cố C cố N. Vì vậy, ngày 14 tháng 3 năm 2016 cụ X khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho bà H, chia di sản thừa kế của cố C cho cụ và cụ Nh mỗi người được 1/2 diện tích đất. Ngày 13 tháng 9 năm 2016, cụ X khởi kiện bổ sung đề nghị yêu cầu vợ chồng bà H phải bồi thường cây cối vật kiến trúc trên đất của cố C do bà H tự ý phá bỏ là 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng. Tại phiên hòa giải ngày 16/02/2007 người đại diện theo ủy quyền của cụ X yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế của cố N và cố C cho cụ X và cụ Nh.

** Trong các bản tự khai bị đơn là cụ Phạm Thị Nh và người đại diện cho cụ Nh trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của cụ X về nguồn gốc đất, về quá trình mẹ con cụ Nh ở trên đất cùng cố C. Do cố C, cố N không có con trai nên cố C đã

cho vợ chồng bà H diện tích đất, việc cho đất không được lập thành văn bản nhưng có sự chứng kiến của ông Phạm Văn Thắng là đội trưởng đội sản xuất của Hợp tác xã. Năm 1993, Nhà nước có chủ trương xây dựng hệ thống bản đồ địa chính thì bà H đã kê khai đứng tên chủ sử dụng, lúc này cố C còn sống không có ý kiến gì vì thực tế cố đã cho bà H. Năm 1995, bà H được cấp GCNQSDĐ và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước từ khi cố C cho đất đến nay. Hiện nay vợ chồng bà H đang quản lý sử dụng diện tích đất còn cụ Nh thì ở với con gái thứ hai ở thôn KĐ. Vì cố C đã cho bà H diện tích đất nên cụ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ X.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Đào Văn Th trình bày:* Thống nhất lời trình bày của cụ Nh ngoài ra ông bà còn trình bày cố N và cố C có ngôi nhà 03 gian lợp tre rạ khoảng 30m^2, năm 1976 do hư hỏng nặng nên cụ Nh đã phá bỏ và làm lại nhà, khi đó cố C đã già yếu nên cụ Nh là người đứng lên lo toan, nguồn tiền do cụ Nh tích góp lại từ tiền đi dạy học, tiền gia đình liệt sĩ và chị em bà có đóng góp thêm. Ngoài ra cố N và cố C còn có 01 bể nước bé, sân chạt vôi nhưng đã bị hư hỏng do chiến tranh. Năm 1986, khi cụ Nh về ở với vợ chồng con gái thứ hai thì cố C gọi vợ chồng bà về ở cùng cố, vợ chồng bà phải bán nhà đi để về ở cùng cố C, cố nói với bà cho bà đất để bà trông nom và thờ cúng khi đó có ông Nhu và ông Xưởng chứng kiến. Năm 1995, vợ chồng bà sửa sang lại sân, xây lại bể và công trình phụ, năm 2014 thì phá bỏ nhà mà cụ Nh xây để xây nhà mới. Năm 1995 khi xã đến đo đất thì cố C nói cho bà đất nên xã đã làm GCNQSDĐ cho bà. Từ khi vợ chồng bà về ở cho đến khi cố C chết thì cụ X không có ý kiến gì và cũng không đóng góp hay trợ giúp gì. Năm 2014 vợ chồng bà phá nhà của cụ Nh để xây nhà mới thì cụ X còn sang nói xây nhà to để thờ cúng cho rộng rãi. Vợ chồng bà không đồng ý với yêu cầu của cụ X vì cố C đã cho vợ chồng bà đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 07/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Phạm Thị X về yêu cầu chia di sản thừa kế của cố Phạm Văn N, Nguyễn Thị C và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chia cho cụ Phạm Thị X được hưởng di sản thừa kế của cố Phạm Văn N, Nguyễn Thị C là 181m^2 đất tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành

phố Hải Phòng. Diện tích đất được xác định bởi các mốc: B, C, D, Đ, E, F (Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

2. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Thị Nh giao phần di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th quản lý sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th được quản lý sử dụng tổng diện tích là 361m^2 đất (Bao gồm 180m^2 đất phần công sức của bà H, ông Th và 181m^2 đất phần di sản cụ Phạm Thị Nh được hưởng di sản thừa kế của cố Phạm Văn N, Nguyễn Thị C) tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất được xác định bởi các mốc: E, F, I, K, M, N, Đ (Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

3. Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th phải tháo dỡ, di rời toàn bộ tài sản (gồm: chuồng gà, một phần nhà tắm, bếp phụ, các cây trồng trong vườn, cây trồng sát phần đất hộ ông Nhu...) trên phần đất giao cho cụ Phạm Thị X để trả lại mặt bằng đất cụ Phạm Thị X.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th phải tháo dỡ, di rời cổng nằm trên phần đất hành lang giao thông phía trước diện tích đất giao cho cụ Phạm Thị X để cụ Phạm Thị X có lối đi.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 192080 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 20/8/1995 đối với diện tích 542m^2 tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân huyện AD, Văn phòng Đăng ký Đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 1552m^2 đất tại thửa 707 tờ bản đồ số 11, diện tích 300m^2 đất tại thửa 702 tờ bản đồ số 11, diện tích 195m^2 đất tại thửa 263 tờ bản đồ số 10, diện tích 144m^2 đất tại thửa 732 tờ bản đồ số 10 đều thuộc xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/7/2017, bị đơn là cụ Phạm Thị Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19 và 24 /7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo không đồng ý với việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm áng trích công sức tương đương với 180m^2 đất thuộc di sản thừa kế; không chấp nhận việc tháo dỡ, di dời tài sản nằm trên phần đất giao cho cụ X. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 21/7/2017, nguyên đơn là cụ Phạm Thị X có đơn kháng cáo, không chấp nhận việc Bản án sơ thẩm chia cho vợ chồng bà H 180m^2 đất, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ: Chia cho cụ ½ diện tích đất = 271m^2 đất và giá trị tài sản nhà cửa, cây cối mà gia đình bà H đã phá dỡ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện cho người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi được thụ lý tới thời điểm này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa phúc thẩm.

Những người tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa hôm nay đã được hỏi, đối đáp, tranh luận và phát biểu quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Về những nội dung kháng cáo của đương sự.

Qua tài liệu có trong hồ sơ thể hiện các bên đều thừa nhận: Diện tích đất đang tranh chấp qua kiểm tra thực địa xác định là 542m2 tại Thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải phòng có nguồn gốc là tài sản của hai vợ chồng cụ Phạm Văn N và Nguyễn Thị C (bố, mẹ của cụ X, cụ Nh) để lại. Cụ N chết năm 1946, cụ C chết năm 2006. Năm 1986, do khi đó cụ C đã ngoài 70 tuổi và ở một mình nên bà H (con của cụ Nh và là cháu ngoại của cụ C) cùng chồng là Đào Văn Th dọn về ở với cụ C. Mặc dù bà H cùng mẹ là cụ Nh trình bày cụ C đã cho bà H diện tích đất trên xong không có tài liệu, giấy tờ gì chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã lấy lời khai của những người làm chứng mà bà H, cụ Nh đã trình bày như ông X1, ông Th cùng các cơ quan hữu quan và được cung cấp như sau:

+ Ông Th trình bày việc cụ C có cho bà H đất hay không thì ông không biết và ông không được mời chứng kiến nội dung trên.

+ Ông X1 đã chết, vợ ông cung cấp: Bà chỉ nắm được nội dung nguồn gốc diện tích đất trên là của vợ chồng cụ N, cụ C. Khi cụ X đi lấy chồng và chồng cụ Nh hy sinh thì mẹ con cụ Nh vẫn ở cùng cụ C, còn việc cụ C có cho bà H diện tích đất trên hay không thì bà không nắm được.

+ Văn phòng ĐKQSDĐ- UBND huyện AD cung cấp: Không tìm thấy hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H.

+ UBND xã HT, huyện AD cung cấp: Trong hồ sơ địa chính ở địa phương không có giấy tờ thể hiện việc cụ C cho bà H diện tích đất trên.

Từ những tài liệu, chứng cứ như đã nêu trên thấy rằng: Mặc dù bà H đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ diện tích đất trên xong không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc cụ C đã tặng, cho bà H diện tích đất này. Đối với các tài sản trên đất theo yêu cầu của nguyên đơn đề nghị phân chia như: Ngôi nhà gạch 03 gian, sân vôi, bể nước, một số cây ăn quả ... kết quả thẩm định xác định tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì những tài sản này không còn. Khi bà H tháo dỡ nhà cũ, làm nhà, xây dựng các công trình trên đất, cụ X biết xong không có đề

nghị các cơ quan có thẩm quyền can thiệp yêu cầu bà H dừng việc tháo dỡ. Do vậy không có căn cứ để xác định các tài sản trên là di sản theo đề nghị của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, có căn cứ khẳng định: Diện tích 542m^2 tại thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải phòng là di sản của hai vợ chồng cụ Phạm Văn N và Nguyễn Thị C. Do các cụ không để lại di chúc nên cần chia di sản trên cho các đồng thừa kế. Tuy nhiên trước khi chia thừa kế cũng cần xem xét đến công sức trông nom nuôi dưỡng cụ C cũng như công cải tạo, duy trì tôn tạo, quản lý di sản trên từ năm 1986 đến nay. Đồng thời đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như giá trị tài sản trên đất của bà H như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Xong cũng còn thấy rằng cấp sơ thẩm cũng còn một số vi phạm đó là:

Việc buộc bà H tháo dỡ các công trình trên đất của để trả lại đất cho cụ X, Bản án quyết định:

Vợ, chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Th phải tháo rỡ, di rời một số tài sản gồm : Cổng nằm trên phần đất hành lang giao thông phía trước để làm lối đi vào diện tích đất diện tích đất được giao cho cụ X, cùng các vật kiến trúc khác gồm: Chuồng gà, một phần nhà tắm, bếp phụ…, các cây trồng để trả lại mặt bằng trên phần đất được giao cho cụ X.

Xét thấy, những tài sản trên là tài sản hợp pháp của vợ chồng bà H đã xây dựng, trong thời gian quản lý, sử dụng khối di sản. Đến nay nếu buộc vợ chồng bà H phải tháo rỡ, di chuyển để trả lại mặt bằng trên phần đất được giao cho cụ X thì cần phải buộc cụ X phải có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản đó cho gia đình bà H mới thỏa đáng và công bằng. Chỉ tính nguyên giá trị một số tài sản mà gia đình bà H phải tháo rỡ đó là: Cổng nằm trên phần đất hành lang giao thông phía trước để làm lối đi vào diện tích đất diện tích đất được giao cho cụ X (không tính phần tường rào), nhà vệ sinh xây năm 2014, các cây trồng trên đất, theo biên bản định giá ngày 05/08/2016 đã xác định là: 31.004.617đ trong đó:

- Phần cổng giá trị là: 13.397.242đ.
- Phần nhà vệ sinh xây năm 2014, giá trị là: 16.297.375đ
- Phần cây cối giá trị là: 1.310.000đ.

Đối với các vật kiến trúc khác gồm: Chuồng gà, bếp phụ... không xác định được giá trị vì không tiến hành định giá.

Ngoài ra Tòa án áp dụng điểm d, khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để làm căn cứ miễn án phí cho các cụ Phạm Thị X và Phạm Thị Nh là không chính xác vì căn cứ để miễn án phí cho cụ X và cụ Nh là do hai cụ có đơn và trình bày lý do đều là những người cao tuổi, gia đình có công với cách mạng. Như vậy trong trường hợp này, Tòa án cần áp dụng điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để làm căn cứ miễn án phí mới đảm bảo tính chính xác.

Từ những nội dung kháng cáo và những phân tích trên đại diện Viện KSCC tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Căn cứ điều 308,309 Bộ luật TTDS2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Thứ nhất: Sửa phần điều luật là căn cứ miễn án phí .

Thứ hai: Buộc cụ Phạm Thị X phải bồi thường cho gia đình bà H giá trị một số tài sản mà gia đình bà H phải tháo rỡ để trả lại mặt bằng trên phần đất được giao cho cụ X đó là: Cổng nằm trên phần đất hành lang giao thông phía trước để làm lối đi vào diện tích đất diện tích đất được giao cho cụ X, nhà vệ sinh xây năm 2014, các cây trồng trên đất, theo biên bản định giá ngày 05/08/2016 đã xác định là: 31.004.617đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định chính xác thời hiệu khởi kiện đối với di sản thừa kế của cố N, cố C vẫn còn tại thời điểm cụ X khởi kiện (ngày 14/3/2016) theo quy định tại Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bản án sơ thẩm xác định diện và hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản thừa kế của cố N, cố C gồm cụ X và cụ Nh là chính xác; xác định bà H và ông Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do hai ông bà có công sức trong việc chăm sóc, phụng dưỡng cụ Nh, quản lý, cải tạo duy trì di sản thừa kế của cố N và cố C là phù hợp thực tế của vụ án.

[3] Về di sản thừa kế của cố N và cố C: Theo nguyên đơn, người đại diện cho nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng di sản của hai cố ngoài quyền sử dụng 542m^2 đất tại thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng còn có vật kiến trúc, cây cối trên đất của cố C do bà H tự ý phá bỏ với tổng giá trị là 420.000.000 đồng nhưng không đưa ra được các căn cứ vững chắc để chứng minh. Thực tế những tài sản trên đất mà cụ X yêu cầu đều được gây dựng từ trước năm 1976. Thời gian đến nay trên 40 năm, đã hao mòn, hư hỏng và đã được phá bỏ. Không thể xác định được những tài sản này có đặc điểm cụ thể như thế nào, có những ai cùng cụ C đầu tư gây dựng, về giá trị cũng do phía nguyên đơn tự phán đoán, ước lượng, không có căn cứ để cơ quan chức năng định giá. Do vậy Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cố N và cố C là quyền sử dụng 542m^2 đất tại thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng là có căn cứ. Kháng cáo của cụ X về việc được hưởng "di sản" là vật kiến trúc, cây cối trên đất của cố C là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của cụ X, cụ Nh, bà H về việc phân chia di sản thừa kế của Bản án sơ thẩm:

[4.1] Căn cứ kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và sự thừa nhận của các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi cố N chết năm 1946, cố C cùng hai con gái là cụ X và cụ Nh tiếp tục sinh sống ở gian nhà tranh tre tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 thôn TS, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng có diện tích 542m^2. Cụ X chỉ ở với cố C đến năm 1951 thì đi lấy chồng

và về nhà chồng ở Thôn XT, xã PHT; cố C và con gái là cụ Nh ở lại trên đất. Khoảng năm 1960, cụ Nh lấy chồng, do chồng cụ Nh là bộ đội nên cụ Nh vẫn ở với cố C. Năm 1967, 1968 chồng cụ Nh hy sinh tại chiến trường miền Nam thì cụ Nh cùng hai con gái là bà H và bà Hồng vẫn ăn ở với cố C. Năm 1986, cụ Nh chuyển sang sinh sống cùng con gái thứ hai là bà Hồng tại thôn KĐ, cùng xã Phạm Hồng Thái. Cũng vào năm 1986, theo yêu cầu của cụ Nh, vợ chồng bà H ông Th đã chuyển về sinh sống, chăm sóc cố C cho đến khi cố C chết. Cụ Nh và vợ chồng bà H cho rằng cố C khi còn sống đã cho bà H quyền sử dụng đất xong không có chứng cứ chứng minh nên quan điểm đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập có đủ căn cứ xác định: Cố N và cố C không để lại di chúc và cũng không văn bản nào cho tặng, chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho bất kỳ ai trong gia đình.

[4.2] Cố C chết ngày 16/5/2006, thọ 96 tuổi. Như vậy, vợ chồng bà H ông Th tuy là cháu ngoại và cháu rể, không phải là người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của hai cố nhưng là người có công sức lớn trong việc trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng cố C trong suốt 20 năm từ khi cố 76 tuổi cho đến khi chết, hương khói thờ phụng các cố, tiếp tục duy trì, bảo quản, cải tạo thửa đất từ năm 1986 cho đến nay là hơn 40 năm. Do vậy, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ X về việc chia di sản thừa kế; áng trích cho vợ chồng bà H, ông Th 180m^2 đất (Theo kết quả định giá tại BL 79-81 có giá trị 180.000.000 đồng) trong khối di sản; diện tích đất còn lại được chia thừa kế theo pháp luật cho hai thừa kế của hai cố gồm cụ X và cụ Nh mỗi người ½ tương ứng với 181m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với quy định tại các Điều 649, 650, 651, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.3] Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, gia đình bà H đã xây nhà kiên cố kiểu biệt thự ở giữa diện tích đất, phía trước có một sân lát gạch, phía sau tiếp nối nhà biệt thự là 01 nhà để đồ và sau cùng là vườn. Bản án sơ thẩm đã chia cho cụ X 181 m^2 phần đất ở vị trí sau nhà để đồ (Giáp đất hộ bà Ch) và phần diện tích giáp với đất hộ nhà ông Nh. Trên phần đất 181m^2 giao cho cụ X có một phần nhà tắm, chuồng gà, một phần nhà vệ sinh, gian bếp nhỏ mái tôn, proximang và một số cây cau, cây vú sữa, cây na do vợ chồng bà H xây dựng và trồng nên buộc vợ chồng bà H phải di dời, tháo dỡ để trả lại đất cho cụ X, buộc vợ chồng bà H dịch chuyển cổng nhà để trả lại lối đi cho cụ X vào diện tích đất được giao là có căn cứ.

[4.4] Với những phân tích tại các mục [4.1], [4.2], [4.3], kháng cáo của cụ Nh về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ X về việc chia thừa kế; kháng cáo của cụ X về việc không áng trích công sức cho vợ chồng bà H ông Th và yêu cầu được hưởng ½ di sản thừa kế của cố N và cố C, tương ứng với 271m^2 đất; kháng cáo của bà H về việc không chấp nhận được hưởng 30% quyền sử dụng đất, không tháo dỡ, di dời tài sản nằm trên phần đất giao cho cụ X và dịch chuyển cổng tạo lối đi cho cụ X vào phần đất được giao không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bà H về việc không chấp nhận việc Bản án sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0192080 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp ngày 20/8/1995 cho bà Nguyễn Thị H và đề nghị hủy bản án sơ thẩm: Như phân tích ở trên thì bà H và cụ Nh không có tài liệu chứng minh cố C đã cho bà H diện tích 542m^2 đất tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành thu thập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà H vào năm 1995 xong các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ xác định không tìm thấy hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H. Như vậy, cả bà H, cụ Nh, các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ không chứng minh được có việc cụ C cho bà H diện tích đất. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp GCNQSDĐ cho bà H đối với diện tích này là chưa đúng pháp luật nên Bản án sơ thẩm đã hủy GCNQSDĐ cấp cho bà H là có căn cứ. Kháng cáo trên của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc buộc cụ X phải thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng bà H: Vợ chồng bà H trong quá trình sinh sống trên đất mặc dù có công sức tôn tạo, duy trì, bảo quản xong cũng được hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng khối di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã áng trích công sức cho vợ chồng bà H 180m^2 đất với giá trị 180.000.000đ, tương ứng xấp xỉ 1/3 giá trị di sản thừa kế của hai cố để lại. Phần đất vợ chồng bà H được giao là phần có mặt đường, có giá trị kinh tế và giá trị sử dụng lớn hơn; còn diện tích đất giao cho cụ X có đến hơn 50% chỉ để làm ngõ đi, phần diện tích còn lại có thể xây dựng công trình lại ở phía sau gia đình bà H nên có giá trị thấp hơn. Trong khi đó, cụ X đã 86 tuổi, đã hết tuổi lao động, khó khăn về tài chính hơn so với vợ chồng bà H. Do vậy, việc Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà H phải di dời cây cối, tháo dỡ chuồng gà, một phần nhà tắm, bếp phụ trên phần đất giao cho cụ Phạm Thị X; buộc vợ chồng bà H dịch chuyển cổng nhà làm trên hành lang giao thông để trả lại lối đi cho cụ X vào diện tích đất được giao mà không buộc cụ X phải thanh toán giá trị là phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cả cụ X và gia đình bà H ông Th. Với nhận định trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội buộc cụ X phải thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa về việc Tòa án cần áp dụng điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để làm căn cứ miễn án phí là phù hợp, Hội đồng xét xử sẽ chỉnh sửa để đảm bảo tính chính xác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của cụ Phạm Thị X, cụ Phạm Thị Nh và bà Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

Áp dụng Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Phạm Thị X về yêu cầu chia di sản thừa kế của cố Phạm Văn N, Nguyễn Thị C và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chia cho cụ Phạm Thị X được hưởng di sản thừa kế của cố Phạm Văn N, Nguyễn Thị C là 181m^2 đất tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất được xác định bởi các mốc: B, C, D, Đ, E, F (Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

2. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Thị Nh giao phần di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th quản lý sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th được quản lý sử dụng tổng diện tích là 361m^2 đất (Bao gồm 180m^2 đất phần công sức của bà H, ông Th và 181m^2 đất phần di sản cụ Phạm Thị Nh được hưởng di sản thừa kế của cố Phạm Văn N, Nguyễn Thị C) tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất được xác định bởi các mốc: E, F, I, K, M, N, Đ (Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

3. Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th phải tháo dỡ, di rời toàn bộ tài sản (gồm: chuồng gà, một phần nhà tắm, bếp phụ, các cây trồng trong vườn, cây trồng sát phần đất hộ ông Nhu...) trên phần đất giao cho cụ Phạm Thị X để trả lại mặt bằng đất cụ Phạm Thị X.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th phải tháo dỡ, di rời cổng nằm trên phần đất hành lang giao thông phía trước diện tích đất giao cho cụ Phạm Thị X để cụ Phạm Thị X có lối đi.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 192080 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 20/8/1995 đối với diện tích 542m^2 tại thửa 686 tờ bản đồ số 11 xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân huyện AD, Văn phòng Đăng ký Đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 1552m^2 đất tại thửa 707 tờ bản đồ số 11, diện tích

300m^2 đất tại thửa 702 tờ bản đồ số 11, diện tích 195m^2 đất tại thửa 263 tờ bản đồ số 10, diện tích 144m^2 đất tại thửa 732 tờ bản đồ số 10 đều thuộc xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho các đương sự. Hoàn trả cụ Phạm Thị X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 12.250.000đ (Mười hai triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng theo Biên lai số 0008246 ngày 16/3/2016 và Biên lai số 0006634 ngày 19/9/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện AD. Hoàn trả cho cụ X, cụ Nh và bà H mỗi người 300.000đ đã nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo các Biên lai thu số: 0003862 ngày 26/7/2017 (Cụ X - ông Soạn nộp thay), 0003869 (cụ Nh) và 0003870 (Bà H) cùng ngày 02/8/2017 do ông Thi nộp thay.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 12/7/2018.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND; VKSND Hải Phòng;*
- *Cục THADS Hải Phòng;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, HCTP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh